

Bản án số: 172/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20.7.2017

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L – TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hữu Thành**

2. Ông **Trần Hoàng Hải**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Song Yển** - Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L: Bà **Lê Thị Nữ** – Kiểm sát viên.

Ngày 20.7.2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST-HNGĐ, ngày 06.01.2017, về: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 19.6.2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 04.7.2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị H** – Sinh năm 1964. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Dương Văn T** – Sinh năm 1958. Vắng mặt không lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con ngày 25.10.2016 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, bà **Đỗ Thị H** – nguyên đơn trình bày:

Bà và ông **Dương Văn T** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, bà và ông T hạnh phúc một thời gian. Mâu thuẫn phát sinh cách đây 05 năm, do ông T thường nhậu nhẹt về nhà kiêu có gây sự và đánh đập bà H. Ông T có đánh bà H té xuống đất, rồi lấy chân dẫm lên người bà. Bà và ông T

đã hoà giải nhiều lần, nhưng vẫn không có kết quả. Hiện nay bà và ông T vẫn còn sống chung nhà, nhưng mạnh ai nấy sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Văn T.

Về con chung: Bà H khai: Vợ chồng có 03 con chung: Dương Nhất T (nữ), sinh ngày 16.8.1994; Dương Tuấn A (nam), sinh ngày 08.9.1996 và Dương Nhất C (nữ), sinh ngày 15.12.1999. Hiện hai con T và A đã trưởng thành, bà H không yêu cầu, khi ly hôn bà H yêu cầu nuôi con Dương Nhất C, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Bị đơn: Ông Dương Văn T, trình bày:

Ông thừa nhận mối quan hệ giữa ông và bà H về thời gian chung sống, con chung của ông bà. Cuộc sống trước đây giữa ông và bà H vẫn sống hạnh phúc bình thường. Mâu thuẫn giữa ông và bà H đã xảy ra nguyên nhân do bà H tham gia hội viên trong Dinh thầy thím cách đây 04 năm. Từ đó, cuộc sống vợ chồng bị xáo trộn, bà H hay đi sớm về khuya, bà H còn dẫn bạn bè về nhà lúc ông T không có mặt. Từ đó, bà H nhận khuyết điểm sai sót, ông T đã tha thứ cho bà H vì gia đình, con cái và bạn bè nên ông không làm lớn chuyện. Gần đây, vào tháng 10.2016, giữa ông và bà H có xảy ra mâu thuẫn do bà H tự ý cầm sổ đỏ vay mượn tiền bên ngoài và thường đi vắng nhà 2 – 3 ngày mà không thông qua ý kiến của ông. Ông T không đồng ý ly hôn bà H. Trường hợp bà H ly hôn, về con thì tùy vào nguyện vọng của con, tài sản chung và nợ chung ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn của bà H, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Dương Văn T đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông T chung sống như vợ chồng từ năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn thuộc trường hợp không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì Bà H và ông T không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì thế, Hội đồng xét xử không công nhận bà Đỗ Thị H và ông Dương Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Xét yêu cầu của bà H về nuôi con Dương Nhất C, mặc dù tại phiên tòa ông T vắng mặt nhưng ý kiến ông T tại hồ sơ thể hiện là tùy vào nguyện vọng của con. Căn cứ theo nguyện vọng của cháu C là xin được ở với mẹ, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho bà Đỗ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con Dương Nhất C, sinh ngày 15.12.1999 là phù hợp theo quy định của pháp luật tại Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 về án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Không công nhận bà Đỗ Thị H và ông Dương Văn T là vợ chồng. Về con chung: Giao cho bà Đỗ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Dương Nhất Chiêu, sinh ngày 15.12.1999. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 262, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, 53, 54, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 về án phí.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Đỗ Thị H và ông Dương Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cho bà Đỗ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Dương Nhất C, sinh ngày 15.12.1999.

Ông Dương Văn T được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về án phí:

Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Nhưng bà H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng, theo biên lai số 0010061 ngày 05.01.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà H còn phải nộp 100.000 đồng án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho bà H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (20.7.2017). Riêng ông Dương Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn